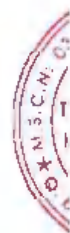


BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 13 - 34 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần CMVIETNAM) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 19 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ, thay đổi địa chỉ trụ sở chính, tên miền website và địa chỉ email Công ty, trong đó thay đổi lần 19 ngày 05 tháng 06 năm 2023.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 357 38555
- Fax : 024 385 64666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|------------------------|--------------------|--------------------------|
| Ông Phạm Minh Phúc | Chủ tịch | Ngày 05 tháng 5 năm 2023 |
| Ông Kim Ngọc Nhân | Phó Chủ tịch | Ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Đức Hường | Thành viên | Ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Hoàng Duy | Thành viên | Ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Thị Bích Lộc | Thành viên độc lập | Ngày 28 tháng 4 năm 2023 |

Ủy ban Kiểm toán

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày tái bổ nhiệm |
|------------------------|------------|--------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Bích Lộc | Chủ tịch | Ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Phạm Minh Phúc | Thành viên | Ngày 28 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Hoàng Duy | Thành viên | Ngày 28 tháng 4 năm 2023 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------|--------------------------------------|---|
| Ông Kim Ngọc Nhân | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023 |
| Bà Đinh Thị Thùy | Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014 Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2015 |
| Ông Trần Văn Trung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tú | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2022 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CMH VIỆT NAM

Kim Ngọc Nhân

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

Số: 2.0085/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh Báo cáo tài chính số VIII.3 về việc Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 liên quan đến nghĩa vụ thuế phát sinh theo Biên bản kiểm tra thuế thời kỳ năm 2022 và năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1
Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

ẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 454.830.383.965 | 335.421.656.307 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 8.412.267.299 | 56.723.924.579 |
| 1. Tiền | 111 | | 7.842.267.299 | 43.708.794.758 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 570.000.000 | 13.015.129.821 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 13.285.547.784 | 18.432.781.099 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 13.285.547.784 | 18.432.781.099 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 314.698.693.573 | 180.440.243.569 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3a | 36.943.091.279 | 71.386.041.421 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 2.001.031.733 | 7.018.682.870 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 1.136.000.000 | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 317.587.777.619 | 145.004.726.336 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (42.969.207.058) | (42.969.207.058) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 103.957.158.087 | 67.120.006.688 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 103.957.158.087 | 67.120.006.688 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 14.476.717.222 | 12.704.700.372 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 376.170.445 | 1.595.854.403 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 10.922.198.646 | 9.045.670.800 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 3.178.348.131 | 2.063.175.169 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 113.553.117.063 | 99.213.846.864 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 23.397.760.979 | 9.198.971.542 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.3b | 23.397.760.979 | 9.045.471.542 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | 153.500.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 20.677.746.240 | 26.250.564.659 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 20.581.131.240 | 26.135.567.789 |
| - Nguyên giá | 222 | | 61.660.097.943 | 61.482.023.868 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (41.078.966.703) | (35.346.456.079) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 96.615.000 | 114.996.870 |
| - Nguyên giá | 228 | | 361.455.000 | 361.455.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (264.840.000) | (246.458.130) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 9.088.280.713 | 3.336.680.713 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 9.088.280.713 | 3.336.680.713 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 58.795.483.433 | 58.795.483.433 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 62.954.570.000 | 62.954.570.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2b | (4.159.086.567) | (4.159.086.567) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.593.845.698 | 1.632.146.517 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 1.593.845.698 | 1.632.146.517 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 568.383.501.028 | 434.635.503.171 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 305.194.419.371 | 176.998.989.759 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 162.140.825.567 | 158.380.906.934 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10a | 64.974.630.446 | 52.889.464.182 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 18.757.156.089 | 58.755.897.091 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 4.285.565.658 | 4.437.758.306 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 3.221.679.439 | 2.163.698.632 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 15.958.188.188 | 16.644.624.350 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 1.706.779.831 | 330.870.882 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15a | 52.163.574.604 | 22.085.342.179 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.073.251.312 | 1.073.251.312 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 143.053.593.804 | 18.618.082.825 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.10b | 6.934.189.003 | 11.144.082.825 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15b | 136.119.404.801 | 7.474.000.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 263.189.081.657 | 257.636.513.412 |
| L. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 263.189.081.657 | 257.636.513.412 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 254.525.000.000 | 254.525.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 254.525.000.000 | 254.525.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (441.950.000) | (441.950.000) |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 9.106.031.657 | 3.553.463.412 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 3.553.463.412 | 3.553.463.412 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 5.552.568.245 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 568.383.501.028 | 434.635.503.171 |

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Kim Ngọc Nhân

Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 201.911.179.536 | 97.312.008.435 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 201.911.179.536 | 97.312.008.435 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 187.787.384.619 | 87.906.379.031 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 14.123.794.917 | 9.405.629.404 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.054.935.342 | 4.806.238.907 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 2.469.960.527 | 2.560.555.298 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 2.469.960.527 | 2.317.445.173 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 11.606.296.820 | 11.323.677.663 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 1.102.472.912 | 327.635.350 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 7.412.248.943 | 5.023.549.454 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 1.056.295.834 | 953.394.088 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 6.355.953.109 | 4.070.155.366 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 7.458.426.021 | 4.397.790.716 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.12 | 1.905.857.776 | 1.482.539.287 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>5.552.568.245</u> | <u>2.915.251.429</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | - | - |

Người lập

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số | Thuyết minh | |
|--|--------------|--------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 7.458.426.021 | 4.397.790.716 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 V.8; V.9 | 5.750.892.494 | 6.111.063.464 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (381.553) | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 VI.3 | (916.659.700) | (4.792.539.539) |
| - Chi phí lãi vay | 06 VI.4 | 2.469.960.527 | 2.317.445.173 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 14.762.237.789 | 8.033.759.814 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (151.731.460.134) | 24.429.334.398 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (36.837.151.399) | (58.633.464.472) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (30.051.550.131) | (10.226.779.124) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 1.257.984.777 | (1.317.970.745) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (2.443.989.055) | (3.002.759.627) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 V.12 | (2.408.486.731) | (2.594.716.600) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (207.452.414.884) | (43.312.596.356) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (5.929.674.075) | (18.716.516.565) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (4.000.000.000) | (56.379.051.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 8.316.618.530 | 76.603.859.996 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | 72.180.000.010 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.029.794.370 | 2.511.314.091 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 416.738.825 | 76.199.606.532 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P. Phúc Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | | Năm trước | |
|--|-------------------|------------|-------------------------|-----------|-------------------------|
| | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.15 | 209.680.316.472 | | 30.070.721.183 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.15 | (50.956.679.246) | | (42.413.273.659) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 158.723.637.226 | | (12.342.552.476) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (48.312.038.833) | | 20.544.457.700 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 56.723.924.579 | | 36.179.466.879 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngo: | 61 | | 381.553 | | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 8.412.267.299 | | 56.723.924.579 |

Người lập

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập ngày 02 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|---|---|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | Ô 60, Khu A ĐG QSD đất, khu đất 3ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Thương mại | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường | Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đák R'Lấp, tỉnh Đák Nông | Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản | 68,44% | 68,44% | 68,44% |

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 121 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 104 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn kết} \\ \text{chuyển trong kỳ}^{(*)} \end{array}$$

(*) Giá vốn kết chuyển trong kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá vốn kết} \\ \text{chuyển trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí} \\ \text{SXKD phát sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng thực hiện trong kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình mua mới như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 4 – 8 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 |

Đối với tài sản đã qua sử dụng, thời gian khấu hao được tính theo thời gian hữu dụng còn lại ước tính.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy: Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn; Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty chủ yếu là xây lắp công trình trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 5.474.394 | 1.790.225 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 7.836.792.905 | 43.707.004.533 |
| Các khoản tương đương tiền (*) (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 570.000.000 | 13.015.129.821 |
| Cộng | <u>8.412.267.299</u> | <u>56.723.924.579</u> |

(*) Toàn bộ số dư tương đương tiền tại ngày 31/12/2024 đang được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ tài chính tại ngân hàng.

2024
VH
Y
ĐU HẠ
TU VẮT
31
HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống tại các ngân hàng. Trong đó, số dư các khoản tiền gửi tại ngày 31/12/2024, số tiền 13.224.835.241 VND, đang được dùng để cầm cố cho các khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2b. Đầu tư vào công ty con

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾ | 21.030.000.000 | (4.159.086.567) | 21.030.000.000 | (4.159.086.567) |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường ⁽ⁱⁱ⁾ | 41.924.570.000 | - | 41.924.570.000 | - |
| Cộng | 62.954.570.000 | (4.159.086.567) | 62.954.570.000 | (4.159.086.567) |

(i) Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam số 32/2022/NQ-HĐQT-CMH ngày 08 tháng 9 năm 2022 thông qua việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại do mục đích hoạt động không còn phù hợp và để tái cơ cấu các khoản đầu tư. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội – Phòng Đăng ký kinh doanh đã có thông báo về việc Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại đang làm thủ tục giải thể. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2024, việc giải thể Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại vẫn chưa thực hiện được do chưa hoàn thành việc quyết toán và đóng mã số thuế tại cơ quan quản lý thuế.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400308865 ngày 02 tháng 10 năm 2014, thay đổi lần thứ 04 ngày 19 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp, Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 3.421.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường, chiếm 68,44% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do: (i) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường (mã chứng khoán VCE, sàn giao dịch UPCOM) không có giao dịch trong năm 2024; và (ii) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa niêm yết và hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư không có giá giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Tình hình hoạt động của các công ty con

| | Tình hình hoạt động |
|---|----------------------------|
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | Đang làm thủ tục giải thể. |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường | Thu hẹp quy mô hoạt động |

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm không phát sinh biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con.

Giao dịch với các công ty con

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch thuê máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường với số tiền là 1.036.400.000 VND (Năm trước là 380.000.000 VND).

Kế hoạch đầu tư

Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 04/4/2022 (“Hợp đồng khung số 19/2022”) giữa 03 bên, gồm các cổ đông của Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên A), Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên B) và Công ty (Bên C), Bên B và Bên C sẽ cùng thành lập một Công ty TNHH hai thành viên (“Công ty nhận chuyển nhượng dự án”) để Công ty này nhận chuyển nhượng và thực hiện Dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ting Phú Thọ (“Dự án”), với tỷ lệ vốn góp của Bên B là 49% và Bên C là 51%. Trong vòng 90 ngày sau khi Dự án đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Dự án (đang do Bên B là chủ đầu tư) sẽ được chuyển nhượng cho Công ty nhận chuyển nhượng.

Theo Phụ lục số 04 ngày 01/06/2024, thời gian thực hiện đã được điều chỉnh như sau: Bên B phải hoàn thành các thủ tục để được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển nhượng Dự án, ký kết xong hợp đồng chuyển nhượng Dự án, bàn giao Dự án và đăng ký sang tên Quyền sử dụng đất của toàn bộ khu đất thực hiện Dự án cho Công ty nhận chuyển nhượng không muộn hơn ngày 30/9/2025.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.5) | 14.438.572.726 | - |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.2) | - | 15.097.073.901 |
| Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ ^(*) | - | 39.659.499.509 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả | 8.219.169.047 | 8.219.169.047 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả | 6.649.125.023 | 4.210.345.481 |
| Các khách hàng khác | 7.636.224.483 | 4.199.953.483 |
| Cộng | 36.943.091.279 | 71.386.041.421 |

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.2) | 9.246.593.000 | - |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.5) | 5.598.159.028 | - |
| Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ ^(*) | 6.045.949.951 | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả | 2.507.059.000 | 1.571.609.000 |
| Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8 | - | 3.328.464.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả | - | 2.438.779.542 |
| BQLDA Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh | - | 1.668.265.000 |
| BQLDA Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Tĩnh | - | 38.354.000 |
| Cộng | 23.397.760.979 | 9.045.471.542 |

^(*) Khoản phải thu theo Hợp đồng tổng thầu EPC số 1102-1/2022/HĐTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 (“Hợp đồng tổng thầu EPC 1102-1/2022”) giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Theo Hợp đồng này, Công ty nhận thực hiện Tổng thầu EPC: Thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án Khu nhà ở đô thị và tổ hợp văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho vay Ông Nguyễn Bá Trọng (nhân viên Công ty) theo Hợp đồng cho vay ngày 28/6/2024, thời hạn của khoản vay đến ngày 31/12/2024 và được gia hạn đến 28/2/2025, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 13.804.400.842 | - | 19.112.988.040 | - |
| Công ty Cổ phần CM Thành Đông | 1.698.646 | - | 1.698.646 | - |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | 6.000.000 | - | 6.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường | 5.666.000 | - | 5.666.000 | - |
| Tạm ứng của Bên liên quan | 13.791.036.196 | - | 19.099.623.394 | - |
| Ông Phạm Minh Phúc | - | - | 417.690.702 | - |
| Ông Kim Ngọc Nhân | - | - | 65.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Ngọc Tú | 1.806.195.678 | - | 1.761.574.458 | - |
| Ông Trần Văn Trung | 1.013.770.000 | - | 1.563.770.000 | - |
| Ông Nguyễn Văn Phi | 3.600.083.942 | - | 4.769.083.942 | - |
| Bà Đinh Thị Thuý | 7.370.986.576 | - | 10.522.504.292 | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 303.783.376.777 | (39.850.706.013) | 125.891.738.296 | (39.850.706.013) |
| Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay | 492.016.439 | - | 1.910.536.324 | - |
| Tạm ứng của nhân viên | 2.737.549.724 | - | 4.634.263.033 | - |
| Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ - đặt cọc (*) | 128.714.083.848 | - | 75.106.900.239 | - |
| Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ - góp vốn hợp tác đầu tư (**) | 130.015.404.801 | - | - | - |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 172.500.000 | - | 1.009.279.730 | - |
| Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên | 21.540.049.741 | (21.540.049.741) | 21.540.049.741 | (21.540.049.741) |
| Công ty Cổ phần Cavico Khai thác mỏ và Xây dựng | 5.700.000.000 | (5.700.000.000) | 5.700.000.000 | (5.700.000.000) |
| Công ty TNHH Cavico Việt Nam | 12.610.656.272 | (12.610.656.272) | 12.610.656.272 | (12.610.656.272) |
| Ông Dương Ngọc Trường | 1.292.500.000 | - | 1.292.500.000 | - |
| Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai | - | - | 1.604.183.530 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 508.615.952 | - | 483.369.427 | - |
| Cộng | 317.587.777.619 | (39.850.706.013) | 145.004.726.336 | (39.850.706.013) |

(*) Theo Hợp đồng khung số 19/2022 và các Phụ lục hợp đồng, Công ty sẽ đặt cọc để bảo đảm cho việc giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến Dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ("Dự án"). Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi ích khác tương ứng với 7%/năm tính trên số tiền đặt cọc và được tính hằng năm. Tiền đặt cọc có thể được thỏa thuận đối trừ nghĩa vụ thanh toán giữa các bên, hoặc được hoàn trả lại theo thỏa thuận.

(**) Là khoản vay ngân hàng để nộp 50% tiền sử dụng đất cho diện tích thửa đất 138.496 m² theo Thông báo ngày 31/12/2024 của Cục Thuế tỉnh Phú Thọ thay cho Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Khoản này được Công ty tính vào tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024/HĐHTĐT/CMH-THPT ngày 01/06/2024 ("Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024"). Toàn bộ giá trị khoản góp vốn này được đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024 giữa Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên A) với Công ty (Bên B), hai bên cùng góp vốn để hợp tác đầu tư, xây dựng và kinh doanh tại Dự án trên Khu đất bàn giao đợt 1 (diện tích 138.496 m²), với tổng mức đầu tư dự kiến là 527.974.000.000 VND, bên A góp 97.040.000.000 VND (tương đương 18,38%), bên B góp 430.934.000.000 VND (tương đương 81,62%), trong đó, góp từ nguồn vốn chủ sở hữu của Bên B là 73.588.000.000 VND (tương đương 13,94%). Lợi nhuận phân chia là Lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ vốn góp thực tế của mỗi bên vào hoạt động hợp tác đầu tư tính đến thời điểm phân chia lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Các khoản nợ sau đây đã được trích lập dự phòng với mức trích lập bằng 100% giá gốc:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên | 21.540.049.741 | 21.540.049.741 |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm | 2.267.704.120 | 2.267.704.120 |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện | 704.446.925 | 704.446.925 |
| Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng | 5.700.000.000 | 5.700.000.000 |
| Công ty TNHH Cavico Việt Nam | 12.610.656.272 | 12.610.656.272 |
| Các khách hàng khác | 146.350.000 | 146.350.000 |
| Cộng | 42.969.207.058 | 42.969.207.058 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.576.851.660 | - | 4.406.038.432 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 101.380.306.427 | - | 62.713.968.256 | - |
| Cộng | 103.957.158.087 | - | 67.120.006.688 | - |

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo các công trình, dự án như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Dự án Cẩm Khê Central Park (*) | 100.491.965.761 | - | 59.978.473.897 | - |
| Dự án hầm Sơn Triệu | 684.882.736 | - | 887.411.358 | - |
| Dự án hầm E'a Trang | 203.457.930 | - | 58.748.460 | - |
| Dự án khác | - | - | 1.789.334.541 | - |
| Cộng | 101.380.306.427 | - | 62.713.968.256 | - |

(*) Là dự án mà Công ty làm tổng thầu theo Hợp đồng tổng thầu EPC 1102-1/2022 với Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ và các phụ lục, trong đó, phụ lục mới nhất có hiệu lực là Phụ lục số 09-1102-1/2022/HĐTT ngày 01/06/2024. Giá trị hợp đồng tạm tính là 450,04 tỷ VND. Giá trị khối lượng đã được nghiệm thu là 60,459 tỷ VND, dự kiến hoàn thành vào quý 4 năm 2026.

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 45.344.957.658 | 15.555.930.999 | 581.135.211 | 61.482.023.868 |
| Mua trong năm | 178.074.075 | - | - | 178.074.075 |
| Số cuối năm | 45.523.031.733 | 15.555.930.999 | 581.135.211 | 61.660.097.943 |
| Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 18.825.102.338 | 7.485.930.999 | 493.181.575 | 26.804.214.912 |
| Chờ thanh lý | 3.237.054.523 | - | 364.108.848 | 3.601.163.371 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 25.734.568.544 | 9.080.406.805 | 531.480.730 | 35.346.456.079 |
| Khấu hao trong năm | 4.905.685.016 | 807.000.000 | 19.825.608 | 5.732.510.624 |
| Số cuối năm | 30.640.253.560 | 9.887.406.805 | 551.306.338 | 41.078.966.703 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------|
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 19.610.389.114 | 6.475.524.194 | 49.654.481 | 26.135.567.789 |
| Số cuối năm | 14.882.778.173 | 5.668.524.194 | 29.828.873 | 20.581.131.240 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại 19.546.410.666 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng.

9. Tài sản cố định vô hình

| | Nhãn hiệu, tên thương mại | Chương trình phần mềm máy tính | Website, logo | Cộng |
|--|------------------------------|-----------------------------------|---------------|-------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 209.455.000 | 38.000.000 | 114.000.000 | 361.455.000 |
| Số cuối năm | 209.455.000 | 38.000.000 | 114.000.000 | 361.455.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 209.455.000 | 38.000.000 | - | 247.455.000 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 202.473.130 | 38.000.000 | 5.985.000 | 246.458.130 |
| Khấu hao trong năm | 6.981.870 | - | 11.400.000 | 18.381.870 |
| Số cuối năm | 209.455.000 | 38.000.000 | 17.385.000 | 264.840.000 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 6.981.870 | - | 108.015.000 | 114.996.870 |
| Số cuối năm | - | - | 96.615.000 | 96.615.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

10. Phải trả người bán**10a. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------|----------------|
| Phải trả các bên liên quan | 40.717.004.087 | 40.125.692.087 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường | 32.536.863.329 | 31.945.551.329 |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | 2.593.435.048 | 2.593.435.048 |
| Công ty TNHH CM Xây dựng | 5.586.705.710 | 5.586.705.710 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 24.257.626.359 | 12.763.772.095 |
| Cộng | 64.974.630.446 | 52.889.464.182 |

10b. Phải trả người bán dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực | 1.722.356.850 | 1.722.356.850 |
| Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10 | 1.905.828.450 | 1.799.562.479 |
| Công ty TNHH Hòa Hiệp | - | 1.588.606.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 3.306.003.703 | 6.033.557.496 |
| Cộng | 6.934.189.003 | 11.144.082.825 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ban Quản lý dự án 85 | 6.132.822.900 | 57.788.210.900 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | 9.352.442.998 | - |
| Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ | 2.200.000.000 | - |
| Các khách hàng khác | 1.071.890.191 | 967.686.191 |
| Cộng | 18.757.156.089 | 58.755.897.091 |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|---|----------------------|----------------------|------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa ^(*) | - | 2.063.175.169 | - | (1.113.558.822) | - | 3.176.733.991 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.413.975.228 | - | 1.905.857.776 | (2.408.486.731) | 2.911.346.273 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 913.183.526 | - | 793.029.968 | (695.652.459) | 1.010.561.035 | - |
| Thuế tài nguyên | - | - | 60.858.798 | (60.858.798) | - | - |
| Phí bảo vệ môi trường | - | - | 31.878.418 | (33.492.558) | - | 1.614.140 |
| Lệ phí môn bài | - | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| Các khoản phải nộp khác | 110.599.552 | - | 583.454.629 | (330.395.831) | 363.658.350 | - |
| Cộng | 4.437.758.306 | 2.063.175.169 | 3.378.079.589 | (4.645.445.199) | 4.285.565.658 | 3.178.348.131 |

(*) Toàn bộ số thuế đã nộp trong năm là thuế vãng lai nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng. Thuế giá trị gia tăng hoạt động xây dựng thực hiện tại các tỉnh khác với trụ sở chính phải nộp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng. Số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng sẽ được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|---------------|---------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 7.458.426.021 | 4.397.790.716 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 2.070.862.859 | 3.014.905.721 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 2.429.881.983 | 3.851.064.051 |
| Lãi phạt chậm nộp thuế, BHXH, các khoản phạt | 646.361.561 | 518.594.038 |
| Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành | 234.000.000 | 234.000.000 |
| Khấu hao TSCĐ (xe ô tô) | 647.000.000 | 668.250.000 |
| Lỗ CLTG do đánh giá lại khoản mục tiền cuối năm | - | 1.357.520 |
| Lãi CLTG do đánh giá lại khoản mục tiền và phải thu năm trước | - | 316.050.285 |
| Hoàn nhập lãi dự thu tiền gửi năm trước | 836.158.330 | 996.464.568 |
| Công nợ phải trả người bán quá hạn thanh toán | - | 583.484.737 |
| Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ khác | 66.362.092 | 532.862.903 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (359.019.124) | (836.158.330) |
| <i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn cuối năm</i> | <i>(359.019.124)</i> | <i>(836.158.330)</i> |
| Thu nhập tính thuế | 9.529.288.880 | 7.412.696.437 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | <u>1.905.857.776</u> | <u>1.482.539.287</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với giá tính thuế là 60.000 VND/m³ x thuế suất (7%) x Sản lượng

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình với mức 2.000 VND/m³ x Sản lượng x Hệ số (1,1)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 51.346.187 | 25.374.715 |
| Trích trước chi phí công trình | 15.906.842.001 | 16.619.249.635 |
| Cộng | <u>15.958.188.188</u> | <u>16.644.624.350</u> |

14. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 220.098.680 | 70.821.340 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 413.577.480 | - |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.073.103.671 | 260.049.542 |
| Cộng | <u>1.706.779.831</u> | <u>330.870.882</u> |

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | <i>8.698.471.321</i> | <i>8.698.471.321</i> |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | 2.074.471.321 | 2.074.471.321 |
| Công ty Cổ phần CM Thành Đông | 6.624.000.000 | 6.624.000.000 |
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | <i>37.051.103.283</i> | <i>9.441.270.858</i> |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱ⁾ | 37.051.103.283 | 9.441.270.858 |
| <i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i> | <i>3.600.000.000</i> | <i>-</i> |
| Ông Nguyễn Đức Quang ⁽ⁱⁱ⁾ | 3.600.000.000 | - |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.15b)</i> | <i>2.814.000.000</i> | <i>3.945.600.000</i> |
| Cộng | <u>52.163.574.604</u> | <u>22.085.342.179</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An để thanh toán chi phí thi công gói thầu số 11-XL “Thi công xây dựng Đoạn KM 0+200- KM19+800”, Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn – Chí Thạnh thuộc Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 và gói thầu số XL02 “Thi công xây dựng Đường dẫn cửa hầm, quảng trường và một phần hầm Ea Trang 1 từ hướng phía Đông” thuộc “Dự án thành phần 2 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1”, hạn mức cho vay không vượt 40 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất 6%-6,8%/năm theo từng kế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và 5.591.200 cổ phiếu CMS thuộc sở hữu của ông Phạm Minh Phúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- (ii) Khoản vay cá nhân theo hợp đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 6 tháng, lãi suất từ 0% - 7,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số kết chuyển từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------------|-----------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn bên liên quan | 8.698.471.321 | - | - | - | 8.698.471.321 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 9.441.270.858 | 57.369.911.671 | - | (29.760.079.246) | 37.051.103.283 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | - | 1.000.000.000 | - | (1.000.000.000) | - |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | - | 21.295.000.000 | - | (17.695.000.000) | 3.600.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 3.945.600.000 | - | 1.370.000.000 | (2.501.600.000) | 2.814.000.000 |
| Số cuối năm | 22.085.342.179 | 79.664.911.671 | 1.370.000.000 | (50.956.679.246) | 52.163.574.604 |

15b. Vay dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|----------------------|
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 | - | 102.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱ⁾ | 136.119.404.801 | 7.372.000.000 |
| Đầu tư máy móc thiết bị | 6.104.000.000 | 7.372.000.000 |
| Hợp tác đầu tư dự án Bất động sản | 130.015.404.801 | - |
| Cộng | 136.119.404.801 | 7.474.000.000 |

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay ngày 29/08/2022 và ngày 14/6/2023 để thanh toán các chi phí đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty là các máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và 5.591.200 cổ phiếu CMS thuộc sở hữu của ông Phạm Minh Phúc – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - Hợp đồng vay ngày 04/09/2024, hạn mức 230 tỷ đồng, để thanh toán các chi phí đầu tư Dự án Cẩm Khê Central Park theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có), lãi suất 8%/năm áp dụng trong vòng 12 tháng, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh của Công ty từ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/2024.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng ngày 28/01/2022 để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|------------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 2.814.000.000 | 3.945.600.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 136.119.404.801 | 7.474.000.000 |
| Cộng | 138.933.404.801 | 11.419.600.000 |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 7.474.000.000 | 3.535.600.000 |
| Số tiền vay phát sinh | 130.015.404.801 | 10.560.000.000 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | - | (2.676.000.000) |
| Số kết chuyển | (1.370.000.000) | (3.945.600.000) |
| Số cuối năm | 136.119.404.801 | 7.474.000.000 |

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Thặng dư vốn cổ phần</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 254.525.000.000 | (441.950.000) | 638.211.983 | 254.721.261.983 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 2.915.251.429 | 2.915.251.429 |
| Số dư cuối năm trước | 254.525.000.000 | (441.950.000) | 3.553.463.412 | 257.636.513.412 |
| Số dư đầu năm nay | 254.525.000.000 | (441.950.000) | 3.553.463.412 | 257.636.513.412 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 5.552.568.245 | 5.552.568.245 |
| Số dư cuối năm nay | 254.525.000.000 | (441.950.000) | 9.106.031.657 | 263.189.081.657 |

16b. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 25.452.500 | 25.452.500 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 25.452.500 | 25.452.500 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 25.452.500 | 25.452.500 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**17a. Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 223,95 | 267,66 |
| Euro (EUR) | 0,18 | 22,90 |
| Kíp Lào (LAK) | 407.721,80 | 1.193.721,80 |
| Baht Thái Lan (THB) | 2.513,31 | 2.783,31 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Nợ đã xóa sổ

Nợ đã xóa sổ bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả liên quan đến chủ đầu tư và nhà thầu phụ công trình dự án Thủy điện Sông Bạc, phát sinh lâu ngày, không thực hiện được thủ tục đối chiếu, thanh toán. Chi tiết bao gồm:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu khách hàng | | |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc | 13.927.265.023 | 13.927.265.023 |
| Trả trước nhà cung cấp | | |
| Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix Công | 264.820.000 | 264.820.000 |
| | <u>14.192.085.023</u> | <u>14.192.085.023</u> |
| Phải trả nhà cung cấp | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt | 1.321.590.557 | 1.321.590.557 |
| Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng | 6.038.825.952 | 6.038.825.952 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát | 1.120.314.660 | 1.120.314.660 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng | 316.088.850 | 316.088.850 |
| Cộng | <u>8.796.820.019</u> | <u>8.796.820.019</u> |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.598.347.557 | 5.038.035.780 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 240.000.000 | 122.918.703 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 199.072.831.979 | 92.151.053.952 |
| Cộng | <u>201.911.179.536</u> | <u>97.312.008.435</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------|-----------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp | 2.598.347.557 | 4.851.920.786 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 185.189.037.062 | 83.054.458.245 |
| Cộng | <u>187.787.384.619</u> | <u>87.906.379.031</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 783.662.385 | 3.022.738.369 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 137.894.089 | 13.629.498 |
| Lãi tiền cho vay | 132.997.315 | 569.801.170 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 69.870 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 381.553 | - |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư | - | 1.200.000.000 |
| Cộng | <u>1.054.935.342</u> | <u>4.806.238.907</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 2.469.960.527 | 2.317.445.173 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 60.682.125 |
| Chi phí khác | - | 182.428.000 |
| Cộng | <u>2.469.960.527</u> | <u>2.560.555.298</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 6.252.058.832 | 5.187.889.048 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 101.803.836 | 67.362.590 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.643.855.630 | 1.173.700.162 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 834.874.146 | 932.433.764 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.531.286.554 | 3.195.192.939 |
| Các chi phí khác | 239.417.822 | 764.099.160 |
| Cộng | 11.606.296.820 | 11.323.677.663 |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Lợi ích từ tiền đặt cọc Hợp đồng khung số 19/2022 | 6.721.183.609 | 4.466.142.561 |
| Thu thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ | - | 288.203.205 |
| Thu từ bảo hiểm bồi thường | 667.383.347 | - |
| Thu nhập khác | 23.681.987 | 269.203.688 |
| Cộng | 7.412.248.943 | 5.023.549.454 |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------------|--------------------|
| Các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt thuế, chậm nộp bảo hiểm | 649.277.288 | 518.594.038 |
| Giá trị của vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý | - | 248.703.379 |
| Chi phí khác | 407.018.546 | 186.096.671 |
| Cộng | 1.056.295.834 | 953.394.088 |

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 108.659.995.635 | 43.023.692.409 |
| Chi phí nhân công | 28.997.518.147 | 17.698.699.551 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.750.892.494 | 6.111.063.464 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 82.581.674.318 | 77.717.940.628 |
| Chi phí khác | 9.471.591.459 | 3.602.013.254 |
| Cộng | 235.461.672.053 | 148.153.409.306 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|----------------|------------------|
| Lãi tiền gửi nhập gốc | 305.385.215 | 404.913.284 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|----------------|------------------|
| Tạm ứng cho Ông Phạm Minh Phúc | - | 417.690.702 |
| Tạm ứng cho Ông Kim Ngọc Nhân | - | 65.000.000 |
| Tạm ứng cho Ông Trần Văn Trung | - | 1.555.000.000 |
| Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú | 1.579.368.090 | 1.860.959.700 |
| Tạm ứng cho Bà Đinh Thị Thùy | 22.635.711.000 | 9.576.824.000 |
| Tạm ứng cho Ông Nguyễn Văn Phi | - | 6.733.000.000 |
| Trả tiền vay cho Ông Nguyễn Đức Hường | - | 11.000.000.000 |

Cam kết bảo lãnh

Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị dùng 5.591.200 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH (mã CMS) thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCM Công thương Việt Nam, chi nhánh Thành An.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | | <u>Tiền lương và các khoản khác</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|------------------------|---|---|--------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Ông Phạm Minh Phúc | Chủ tịch HĐQT/ Thành viên UBKT | 661.905.000 | 180.000.000 | 841.905.000 |
| Ông Kim Ngọc Nhân | Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc | 722.905.000 | 18.000.000 | 740.905.000 |
| Ông Nguyễn Đức Hường | Thành viên HĐQT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Nguyễn Hoàng Duy | Thành viên HĐQT/ Thành viên UBKT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Bích Lộc | Thành viên HĐQT độc lập/ Chủ tịch UBKT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Trần Văn Trung | Phó Tổng Giám đốc | 402.470.000 | - | 402.470.000 |
| Bà Đinh Thị Thùy | Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng | 626.700.000 | - | 626.700.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tú | Phó Tổng Giám đốc | 623.600.000 | - | 623.600.000 |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Phó Tổng Giám đốc | 644.700.000 | - | 644.700.000 |
| Cộng | | 3.682.280.000 | 252.000.000 | 3.934.280.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAMĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | Tiền lương và các khoản khác | Thù lao | Cộng thu nhập |
|------------------------|---|-------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Năm trước | | | | |
| Ông Phạm Minh Phúc | Chủ tịch HĐQT/ Thành viên UBKT | 616.000.000 | 180.000.000 | 796.000.000 |
| Ông Kim Ngọc Nhân | Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc | 667.000.000 | 18.000.000 | 685.000.000 |
| Ông Nguyễn Đức Hường | Thành viên HĐQT | 119.200.000 | 18.000.000 | 137.200.000 |
| Ông Nguyễn Hoàng Duy | Thành viên HĐQT/ Thành viên UBKT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Bích Lộc | Thành viên HĐQT độc lập/ Chủ tịch UBKT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Trần Văn Trung | Phó Tổng Giám đốc | 384.000.000 | - | 384.000.000 |
| Bà Đinh Thị Thủy | Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng | 510.800.000 | - | 510.800.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tú | Phó Tổng Giám đốc | 497.600.000 | - | 497.600.000 |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Phó Tổng Giám đốc | 618.800.000 | - | 618.800.000 |
| Cộng | | 3.413.400.000 | 252.000.000 | 3.665.400.000 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|----------------------------------|
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường | Công ty con |
| Công ty Cổ phần CM Thành Đông | Công ty con gián tiếp |
| Công ty TNHH CM Xây dựng | Công ty con gián tiếp |
| Công ty Cổ phần Lomore Nha Trang | Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Công ty Cổ phần Lomore Phan Thiết | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5; V.10 và V.15.

2. Đối tác quan trọng

Đối tác quan trọng của Công ty là Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Thông tin về các Hợp đồng đã ký kết với đối tác quan trọng được trình bày tại các thuyết minh số V.2b, V.3, V.5 và V.7.

Giao dịch với đối tác quan trọng

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với đối tác quan trọng như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|-----------------|------------------|
| Doanh thu Hợp đồng tổng thầu EPC | - | 16.442.877.019 |
| Lợi ích từ tiền đặt cọc | 6.721.183.609 | 7.223.575.990 |
| Chuyển tiền đặt cọc | 46.886.000.000 | 6.770.000.000 |
| Góp vốn theo Hợp đồng hợp tác đầu tư | 130.015.404.801 | - |

Công nợ với đối tác quan trọng

Công nợ với đối tác quan trọng được trình bày tại các thuyết minh số V.3; V.5 và V.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Căn cứ kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam thời kỳ năm 2022 đến năm 2023 theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 19/6/2024, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 37473/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC ngày 24/6/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Theo đó, Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 liên quan đến nghĩa vụ thuế như sau:

- Điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ, số tiền 1.925.953.106 VND (trong đó: thuế GTGT bị truy thu năm 2023: 97.672.879 VND và năm 2022: 224.096.697 VND; thuế GTGT chưa kê khai: 1.604.183.530 VND);
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu, số tiền 1.241.929.892 VND (trong đó năm 2023: 180.790.193 VND và năm 2022: 1.061.139.699 VND);
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập cá nhân bị truy thu, số tiền 359.970.629 VND;
- Điều chỉnh tăng khoản chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền 110.599.552 VND.

Ảnh hưởng của việc trình bày lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|--|------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 100 | 335.743.425.883 | (321.769.576) | 335.421.656.307 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 143.400.542.806 | 1.604.183.530 | 145.004.726.336 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | 10.971.623.906 | (1.925.953.106) | 9.045.670.800 |
| Tổng tài sản | 270 | 434.957.272.747 | (321.769.576) | 434.635.503.171 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 157.028.377.490 | 1.352.529.444 | 158.380.906.934 |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 313 | 2.725.258.233 | 1.712.500.073 | 4.437.758.306 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 690.841.511 | (359.970.629) | 330.870.882 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu | 400 | 259.310.812.432 | (1.674.299.020) | 257.636.513.412 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 5.227.762.432 | (1.674.299.020) | 3.553.463.412 |
| Tổng nguồn vốn | 440 | 434.957.272.747 | (321.769.576) | 434.635.503.171 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Chi phí khác | 32 | 745.121.657 | 208.272.431 | 953.394.088 |
| Lợi nhuận khác | 40 | 4.278.427.797 | (208.272.431) | 4.070.155.366 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 4.606.063.147 | (208.272.431) | 4.397.790.716 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 1.301.749.094 | 180.790.193 | 1.482.539.287 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 3.304.314.053 | (389.062.624) | 2.915.251.429 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 4.606.063.147 | (208.272.431) | 4.397.790.716 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 24.331.661.519 | 97.672.879 | 24.429.334.398 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (10.337.378.676) | 110.599.552 | (10.226.779.124) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Đinh Thị Thủy

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 21 tháng 2 năm 2025

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

